

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HSST

Ngày 17/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm, bà Nguyễn Thị Thuận

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Thề.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 08/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 03/4/2019 đối với bị cáo **La Anh Th**, sinh năm 1986 tại tỉnh B; Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố P C, thị trấn Y L, huyện N R, tỉnh B K; Nơi cư trú: Không cố định; Trình độ học vấn: 6/10; Nghề nghiệp: Không; Con ông La Văn S (đã chết) và bà Nông Thị Thu H; Tiền sự: Không; Tiền án: 01, ngày 25/11/2016 bị TAND huyện ĐM, tỉnh ĐN xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 27/3/2017 chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án ịch; Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 10/01/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh ĐN - (Có mặt).

- Người bị hại: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1999. Trú tại: Thôn 04, xã CK, huyện C, tỉnh ĐN - (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn Ng, sinh năm 1977. Trú tại: Thôn 03, xã ĐD, huyện C, tỉnh ĐN - (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ sáng ngày 09/01/2019, bị cáo La Anh Th điều khiển xe mô tô hiệu Dam San, màu nâu, biển kiểm soát 48F2 – 6589 đến nhà chị Bùi Thị H (Cư trú: thôn 4, xã CK, huyện C) để chơi. Khi đến nơi thì không thấy chị H ở nhà nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo mở cửa chính và lẻn vào trong nhà chị H thấy có 01 bình Gas màu xám được để ở góc nhà, sau đó bị cáo ôm bình Gas ra ngoài và đặt ở phía trước xe. Trong lúc đặt bình Gas lên xe thì có chị Bùi Thị Ph (hàng xóm nhà chị H) nhìn thấy. Sau đó, bị cáo chở bình Gas

vừa trộm được đem đi bán tại cửa hàng tạp hóa của ông Hoàng Văn Ng (Cư trú: thôn 3, xã DD, huyện C với số tiền 180.000đ (Một trăm tám mươi nghìn đồng) lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Vật chứng thu giữ: 01 vỏ bình Gas đã qua sử dụng, có kích thước cao 60cm, đường kính 30cm. Trên nắp bình Gas có dập số nổi “2010” và chữ “PETGAS”, được in chữ 13.6 và PETROSETCO PETGAS màu trắng trên thân; 01 xe mô tô hiệu Dam San, màu nâu, biển kiểm soát 48F2 – 6589, số khung: HDCG084UM103763, số máy: L150FMG00103763 đã qua sử dụng.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 17/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 01 vỏ bình Gas đã qua sử dụng, có kích thước cao 60cm, đường kính 30cm, trên nắp bình có dập số nổi “2010” và chữ “PETGAS”, được in chữ 13.6 và PETROSETCO PETGAS màu trắng trên thân, tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

Bản cáo trạng số: 02/CTr-VKS ngày 08/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo La Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng không oan, bị cáo thừa nhận đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong hình phạt, nhưng chưa được xóa án tích, ngày 09/01/2019 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo đồng ý với kết luận định giá tài sản của hội đồng giám định trong tố tụng hình sự huyện Cư Jut.

Phản tranh luận bị cáo không bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bị hại chị Bùi Thị H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo như tại bản cáo trạng số: 02/CTr-VKS ngày 08/3/2019 về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo La Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo tù 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C trả lại: 01 (một) vỏ bình Gas đã qua sử dụng, có kích thước cao 60cm, đường kính 30cm cho chị Bùi Thị H; Trả 01 (một) xe mô tô hiệu Dam San, màu nâu, biển kiểm soát 48F2 - 6589 cho ông Nguyễn Văn N là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Bùi Thị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi liên quan ông Hoàng Văn Ng không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, tiếp đến ngày 09/01/2019 bị cáo lại tiếp tục trộm cắp 01 chiếc bình Gas, giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), mục đích trộm cắp để bán lấy tiền sử dụng vào việc cá nhân thì bị phát hiện. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

Ngày 25/11/2016 bị cáo bị TAND huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” ngày 27/3/2017 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện và làm ăn sinh sống mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo cải tạo giáo dục thành người có ích cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngay sau khi phạm tội, ngày 10/01/2019 bị cáo đã đến Công an huyện C đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa người bị hại xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với ông Hoàng Văn Ng là người mua vỏ bình Gas của bị cáo, khi mua ông Nguyễn không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người thanh niên tên H là người đã nhờ bị cáo cầm chiếc xe mô tô hiệu Dam San, màu nâu, biển kiểm soát 48F2 – 6589 ở xã H, Tp. BMT, tỉnh ĐL. Hiện nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra quyết định tách hành vi để tiếp tục điều tra, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: 01 (một) vỏ bình Gas đã qua sử dụng, có kích thước cao 60cm, đường kính 30cm cho chị Bùi Thị H; Trả 01 (một) xe mô tô hiệu Dam San, màu nâu, biển kiểm soát 48F2 - 6589 cho ông Nguyễn Văn N là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Bùi Thị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi liên quan ông Hoàng Văn Ng không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **La Anh Th** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo La Anh Th 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/01/2019).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C trả lại: 01 (một) vỏ bình Gas đã qua sử dụng, có kích thước cao 60cm, đường kính 30cm cho chị Bùi Thị H; Trả 01 (một) xe mô tô hiệu Dam San, màu nâu, biển kiểm soát 48F2 - 6589 cho ông Nguyễn Văn N là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Bùi Thị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi liên quan ông Hoàng Văn Ng không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo La Anh Th phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- Sở tư pháp tỉnh ĐN;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Người bị hại
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

Nguyễn Thế Thắng